

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **115/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 29 - 8 - 2019
V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lập Tiến
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Trần Tổ Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 447/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2019/QĐXX –ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị H – sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: xxx đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Trần Ngọc Anh S – Sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xxx đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, tại bản tự khai ngày 28/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Cao Thị H trình bày: Bà và ông Trần Ngọc Anh S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001 và không

đăng ký kết hôn tại các cơ quan có thẩm quyền. Sau một thời gian chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm, ông Sơn không chung thủy với vợ con nên hay cãi vã nhau. Hiện ông bà đã sống ly thân được 1 năm. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông S nên đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông S.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Cao Thị H và ông Trần Ngọc Anh S có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Anh K – Sinh ngày: 15/6/2002. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 03/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Ngọc Anh S trình bày: Ông và bà Cao Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001 và không đăng ký kết hôn tại các cơ quan có thẩm quyền. Sau một thời gian chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng ý kiến dẫn đến hay cãi vã nhau. Hiện ông bà đã sống ly thân được 1 năm. Nay ông S xác định không còn tình cảm với bà H nên đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Cao Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Trần Ngọc Anh S và bà Cao Thị H có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Anh K – Sinh ngày: 15/6/2002. Ông S có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu K đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị H. Về quan hệ hôn nhân Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Cao Thị H và ông Trần Ngọc Anh S.

Về con chung: đề nghị giao cháu Trần Ngọc Anh K – Sinh ngày: 15/6/2002 cho mẹ là bà Cao Thị H chăm sóc nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu. Về án phí: bà Cao Thị H phải chịu án phí theo quy định

của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Cao Thị H yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trần Ngọc Anh S, địa chỉ thường trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Không công nhận quan hệ vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Xét thấy tại phiên tòa bị đơn ông Trần Ngọc Anh S đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án cả bà Cao Thị H và ông Trần Ngọc Anh S đều thừa nhận ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 và ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn tại các cơ quan có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Nay do mâu thuẫn vợ chồng, ông Trần Ngọc Anh S thường xuyên đánh đập vợ con, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận giữa bà Cao Thị H và ông Trần Ngọc Anh S là vợ chồng.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, nơi bà Cao Thị H và ông Trần Ngọc Anh S chung sống. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: “*Bà Cao Thị H và ông Trần Ngọc Anh S đăng ký hộ khẩu và đang sinh sống tại địa phương. Về mâu thuẫn, ông S không có sự quan tâm đến gia đình vợ con thường xuyên vợ chồng cãi vã, bất đồng quan điểm, hiện hai người đã sống ly thân nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật*”.

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Cao Thị H và ông Trần Ngọc Anh S chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng nên không được pháp luật công nhận vợ chồng, do đó yêu cầu của bà H về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông S là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau bà Cao Thị H và ông Trần Ngọc Anh S có 01 đứa con chung là cháu Trần Ngọc Anh K – Sinh ngày: 15/6/2002.

Quá trình giải quyết vụ án, cả bà H và ông S đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K đến tuổi trưởng thành. Qua tham khảo ý kiến của con chung, cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ, vì mẹ chăm sóc cháu tốt hơn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, xác định hiện nay cháu K đang sống cùng với mẹ. Tại phiên tòa ông S cố tình vắng mặt không tham gia phiên tòa, thể hiện việc ông S không có ý kiến gì tranh chấp về việc nuôi con chung. Do vậy để đảm bảo được đầy đủ quyền và lợi ích của con chung, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận giao con chung là cháu Trần Ngọc Anh K – Sinh ngày: 15/6/2002 cho mẹ là bà Cao Thị H trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà Cao Thị H không yêu cầu ông Trần Ngọc Anh S cấp dưỡng, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Cao Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định, bị đơn ông Trần Ngọc Anh S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Cao Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Cao Thị H và ông Trần Ngọc Anh S.

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Ngọc Anh K – Sinh ngày: 15/6/2002 cho mẹ là bà Cao Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Trần Ngọc Anh S có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Cao Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Cao Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0001735 ngày 12/6/2019 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim Cúc